

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/HS-ST
Ngày: 06/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Nguyễn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tô Hiền Đức**

Ông **Bùi Dân An**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Thái Công Danh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Phan Thị Vũ Vi**- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Thái B**, sinh năm 1988, tại Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Nhà số 43, tổ 5, ấp T, xã H, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn 03/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Con ông: Trương Thái H, sinh năm 1961 (Đã chết) và bà: Trần Thị L, sinh năm 1959; Vợ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1970; Có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2021).

Tiền án: Bản án số 136/2010/HS-PT ngày 21/9/2010, Toà án nhân dân tỉnh Long An áp dụng điểm h khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tiền sự: Không có.

- Bị cáo bị tạm giữ ngày 26/02/2024, tạm giam từ ngày 29/02/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Hoà Thành, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1973, ngụ ấp T, xã Đ, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thái B là tài xế lái xe thuê cho cửa hàng vật liệu xây dựng “MT” thuộc ấp N, xã Đ, thị xã Hòa Thành do ông Trần Minh T, sinh năm 1973, ngụ ấp T, xã Đ, thị xã HT làm chủ. Khoảng 17 giờ ngày 02/01/2024, B điều khiển xe ô tô tải biển số 70C- 149.11 của ông T đi giao hàng rồi quay về cửa hàng cất xe và để chìa khóa, giấy tờ xe trong ca bin và đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, do không có tiền tiêu xài nên B nảy sinh ý định trộm xe ô tô biển số 70C-149.11 bán lấy tiền tiêu xài, vì vậy B đón xe ôm của một người đàn ông khoảng 50 tuổi (không rõ nhân thân, địa chỉ) đi đến cửa hàng “Minh T” lén lút lấy trộm xe ô tô của ông T rồi điều khiển đến Bản Đăk Lép, xã Năm N’ Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông và cam kết là xe có nguồn gốc rõ ràng, không phải xe trộm bán cho Trần Văn Ngh, sinh năm 1989 (là người chuyên mua bán xe cũ) được số tiền 64.000.000 đồng. Sau khi bán được xe, B sử dụng toàn bộ số tiền trên qua Campuchia để đánh bạc và thua hết.

Đến ngày 03/01/2024, Ngh đăng thông tin bán xe ô tô tải biển số 70C- 149.11 trên mạng xã hội Facebook và gửi hình ảnh bán xe ô tô trên cho Nguyễn Văn T1, sinh ngày 02/01/1981 ngụ ấp xóm Tân An, xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An với số tiền 85.000.000 đồng; cùng ngày T1 tiếp tục gửi hình ảnh trên mạng xã hội Facebook và bán lại xe ô tô cho Nguyễn Văn H, sinh năm 1990, ngụ xóm 5, xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An với số tiền 102.500.000 đồng, sau đó H tiếp tục bán lại xe ô tô trên cho Hoàng Văn H1, sinh năm 1984, ngụ ấp Phú Tàng, xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội với số tiền 110.000.000 đồng. Đến ngày 21/01/2024 thông qua mạng xã hội Facebook, ông T nhìn thấy tài khoản “Nghĩa ô tô Cũ Dak Nông” đăng thông tin bán xe ô tô của mình bị mất trộm trước

đó nên ông T liên lạc với Ngh để mua lại xe nhưng Ngh cho biết đã bán xe cho người khác nên ông T nhờ Nghĩ liên hệ để mua lại xe. Đến ngày 26/01/2024, Ngh liên lạc được với H và thoả thuận mua lại xe ô tô trên với số tiền 117.000.000 đồng. Lúc này, ông T chuyển khoản số tiền 110.000.000 đồng cho Ngh đồng thời Ngh bỏ ra 7.000.000 đồng để mua lại xe. Sau đó, Ngh chuyển khoản cho H số tiền 117.000.00 đồng để H chuyển cho H mua lại xe ô tô tải 70C- 149.11 cho ông T. Đến ngày 30/01/2024, thông qua dịch vụ vận chuyển xe ô tô thì ông T nhận lại được xe và trả thêm phí dịch vụ vận chuyển với số tiền 8.000.000 đồng. Ngày 26/02/2024, B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hoà Thành để đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG-TTHS ngày 22/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Hoà Thành, kết luận: Xe ô tô tải gắn biển số 70C- 149.11 có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ án là 136.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: ông Trần Minh T yêu cầu bồi thường số tiền 118.000.000 đồng (trong đó: số tiền 110.000.000 đồng là tiền chuộc xe và 8.000.000 đồng tiền chi phí vận chuyển xe). Hiện gia đình của Trương Thái B đã trả cho ông T số tiền 60.000.000 đồng; ông T yêu cầu tiếp tục bồi thường số tiền 58.000.000 đồng. Đối với Trần Văn Ngh không yêu cầu B trả lại số tiền 7.000.000 đồng.

Qua điều tra xác minh bị cáo không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại bản cáo trạng số: 59/CT-VKSHT ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoà Thành đã truy tố bị cáo Trương Thái B về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoà Thành giữ quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Thái B về tội: “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trương Thái B mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 58.000.000 đồng cho ông Trần Minh T. Đối với Trần Văn Ngh không yêu cầu B trả lại số tiền 7.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trương Thái B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Lúc 20 giờ ngày 02/01/2024, tại cửa hàng vật liệu xây dựng “Minh T” thuộc ấp Năm Trại, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, Trương Thái B đã lén lút trộm cắp 01 xe ô tô tải biển số 70C-149.11 của Trần Minh T trị giá 136.000.000 đồng. Ngoài ra bị cáo có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” với mức hình phạt là 01 năm 06 tháng tù, bị cáo chấp hành án xong vào ngày 29/11/2011 chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo B theo điểm c, g khoản 2

Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật B vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang và bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất tham lam, lười lao động, bản thân bị cáo đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù nhưng lại tiếp tục phạm tội cho thấy thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần có mức án thật nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi nghị án Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên có căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho ông Tân Minh T số tiền 58.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thái B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thái B 03 (Ba) năm tù, thời hạn thi hành hình phạt tù

được tính từ ngày 26/02/2024.

2. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Thái B tiếp tục bồi thường cho ông Trần Minh T số tiền 58.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Trương Thái B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại **biết** được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CCTHADS thị xã Hòa Thành;
- Công an thị xã Hòa Thành;
- Bị cáo B;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
 (Đã ký)

Lâm Thị Nguyễn

